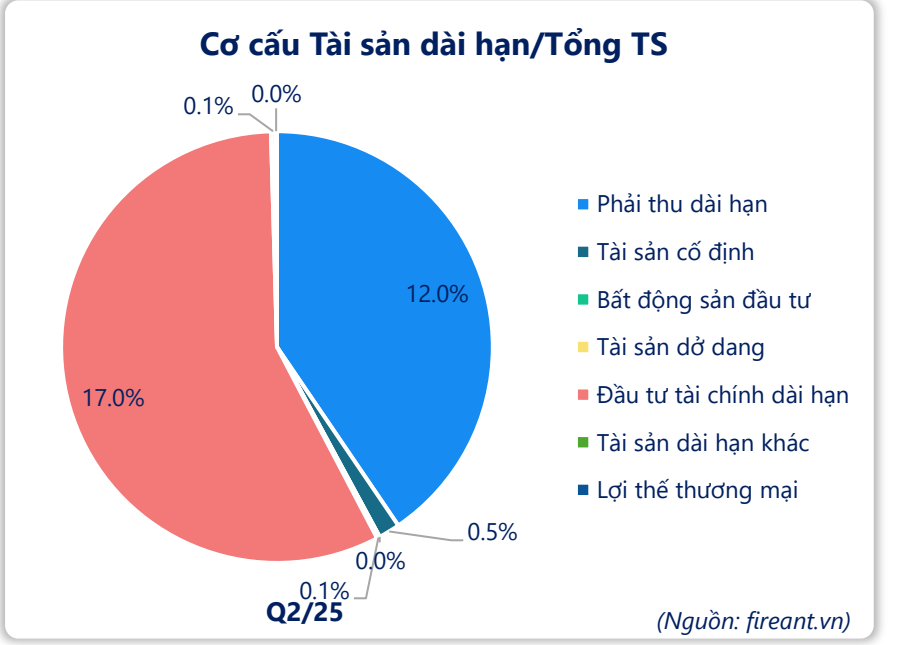
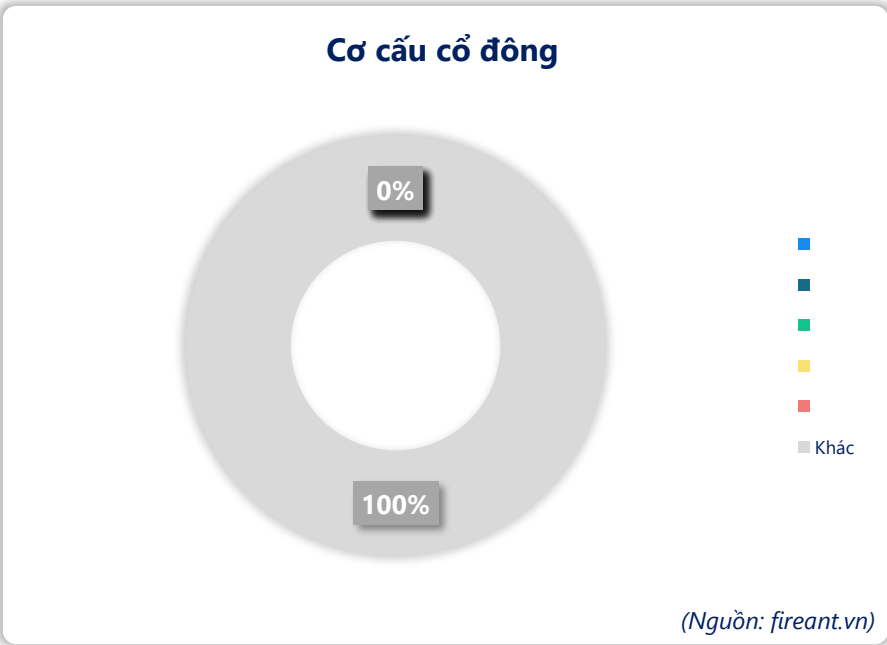
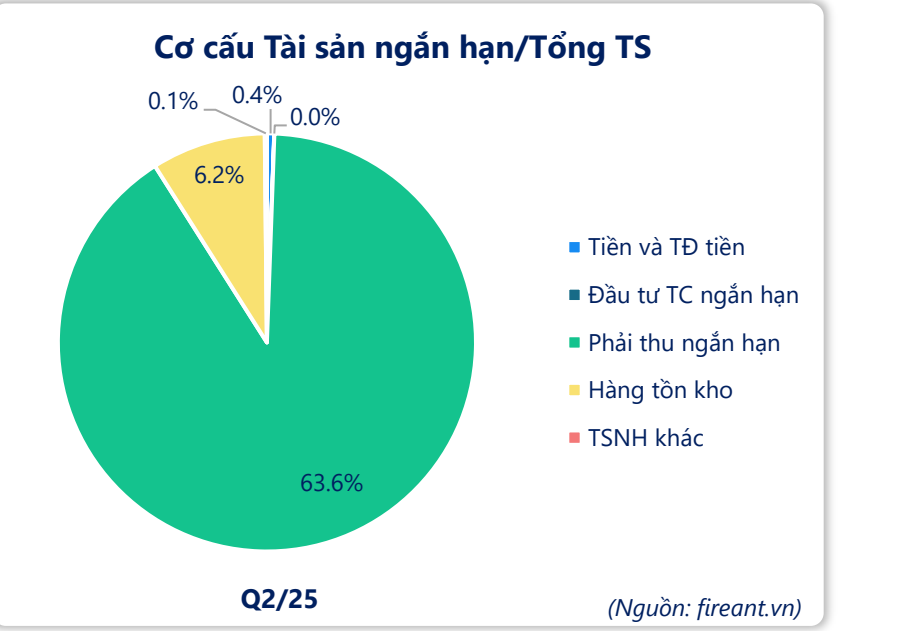
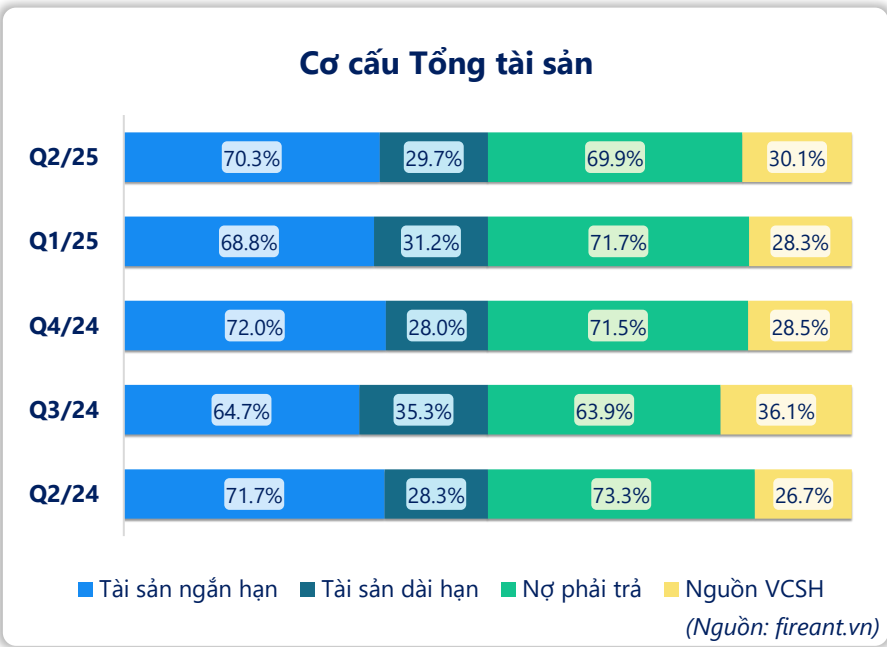
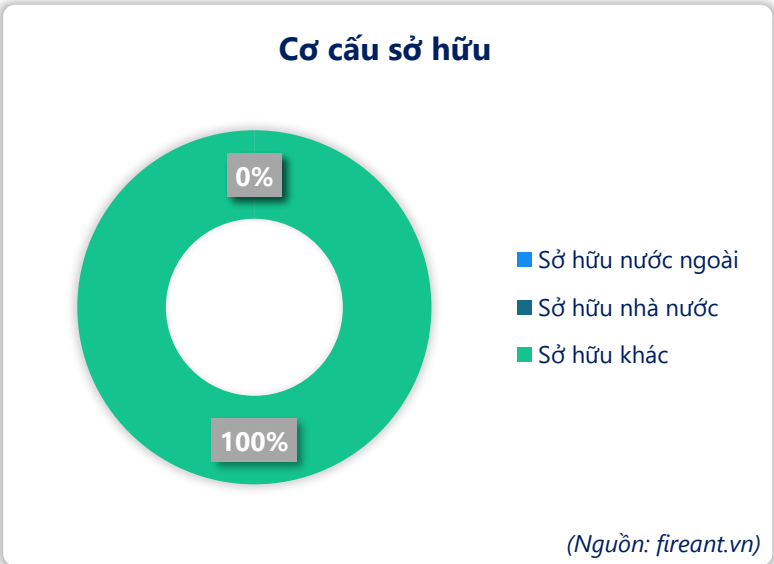
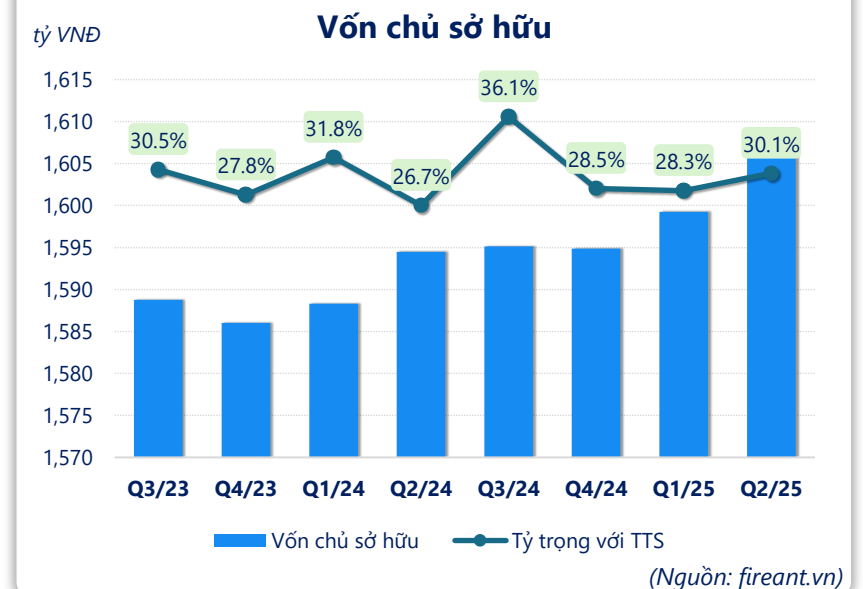
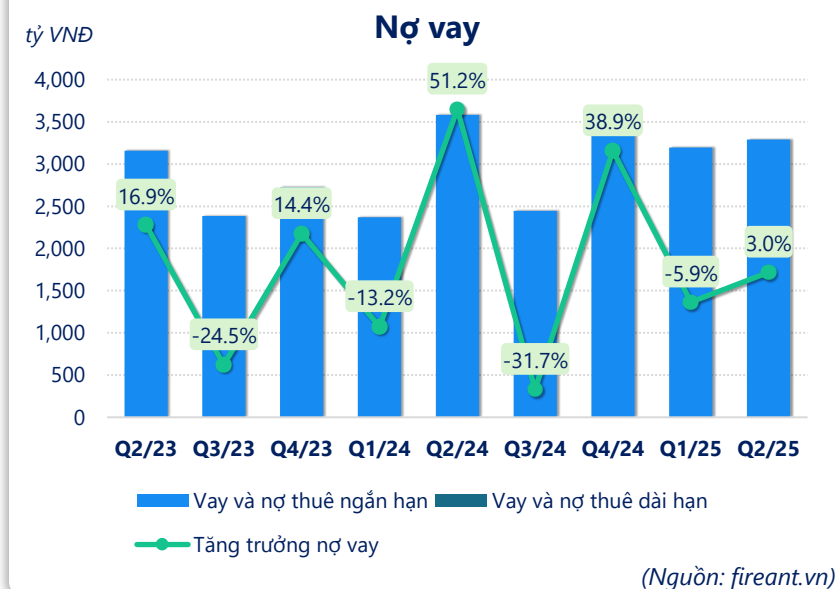
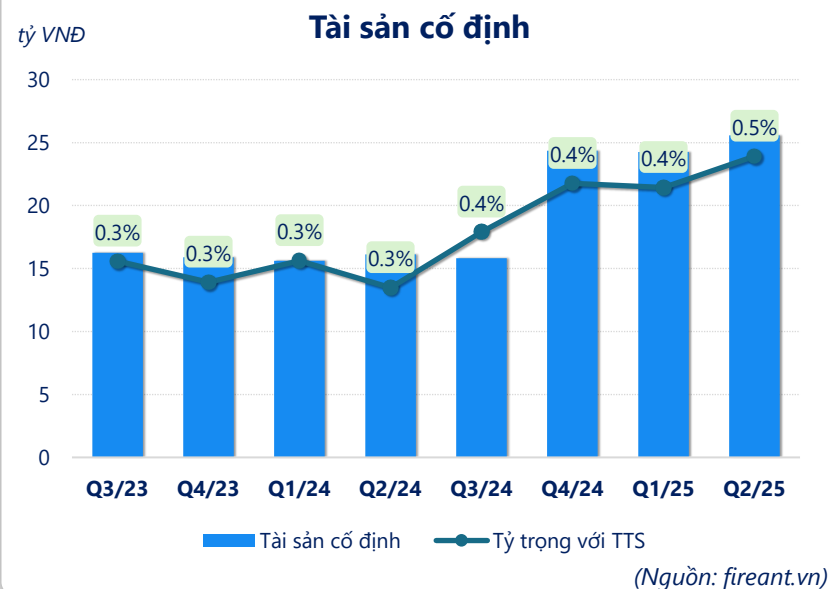
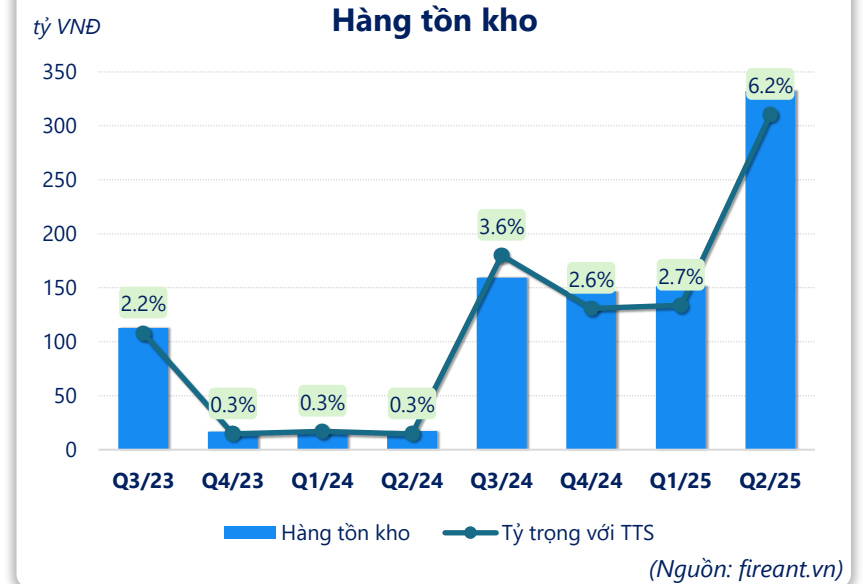
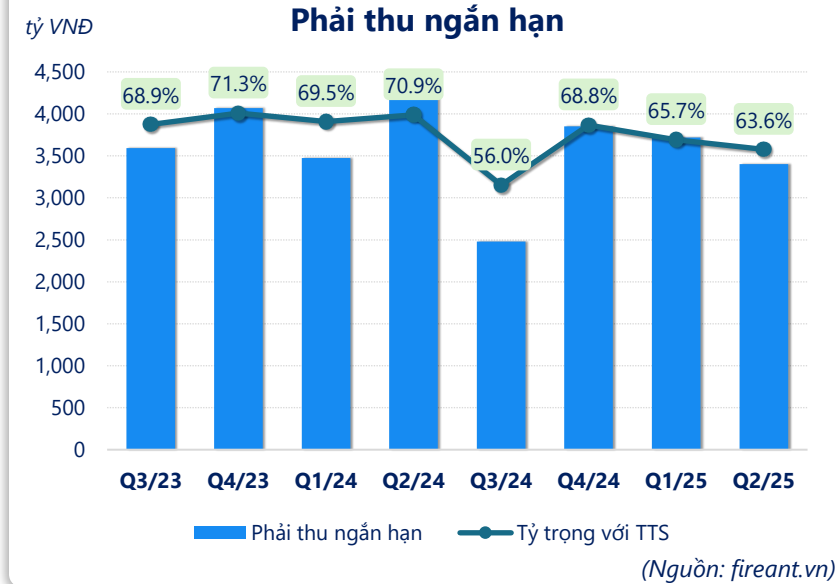
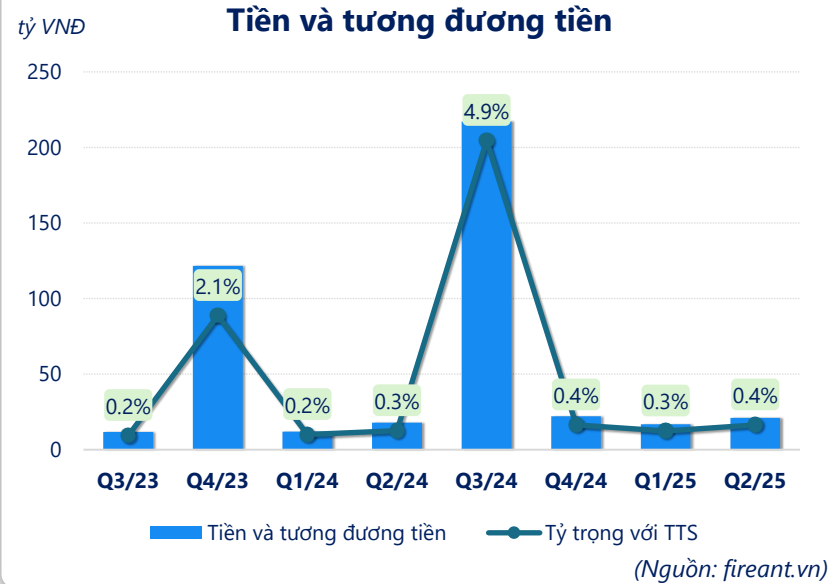
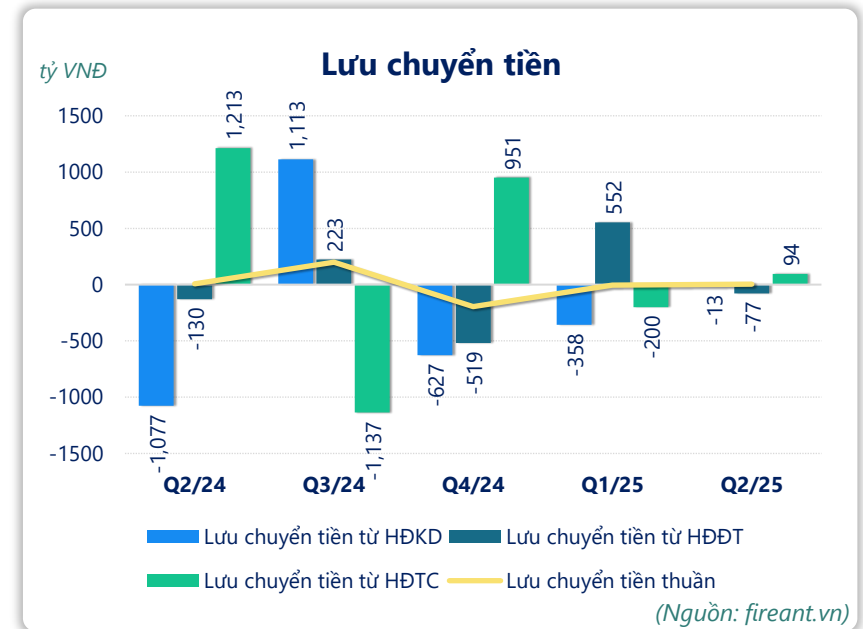
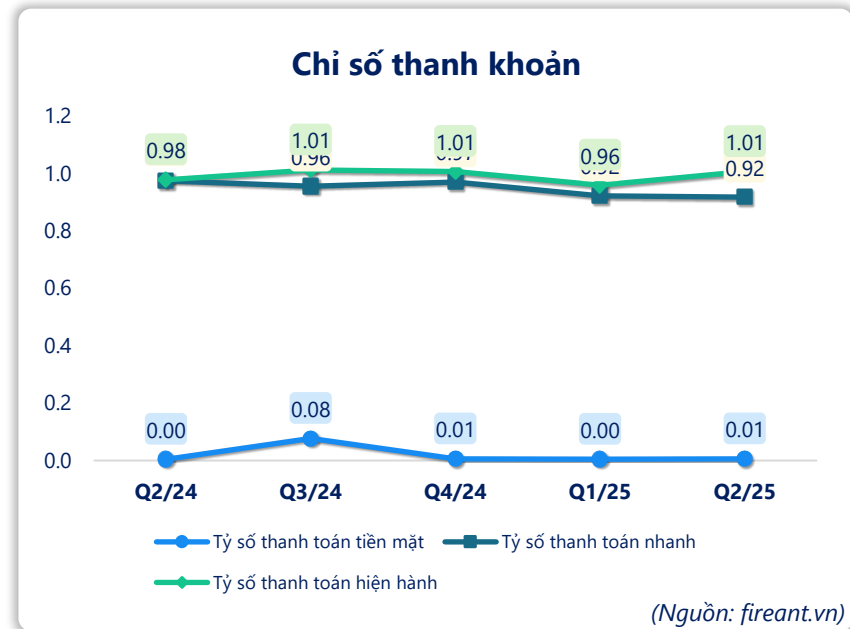
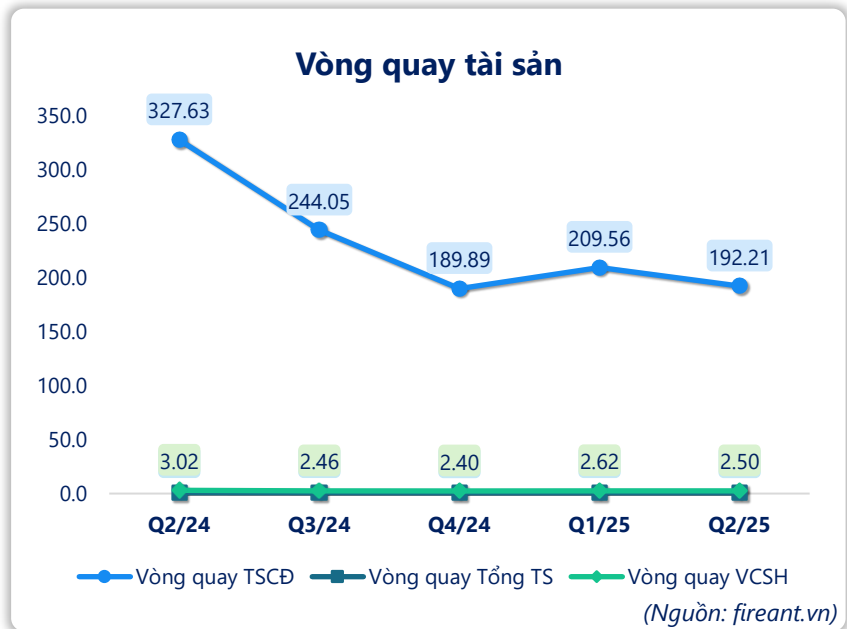
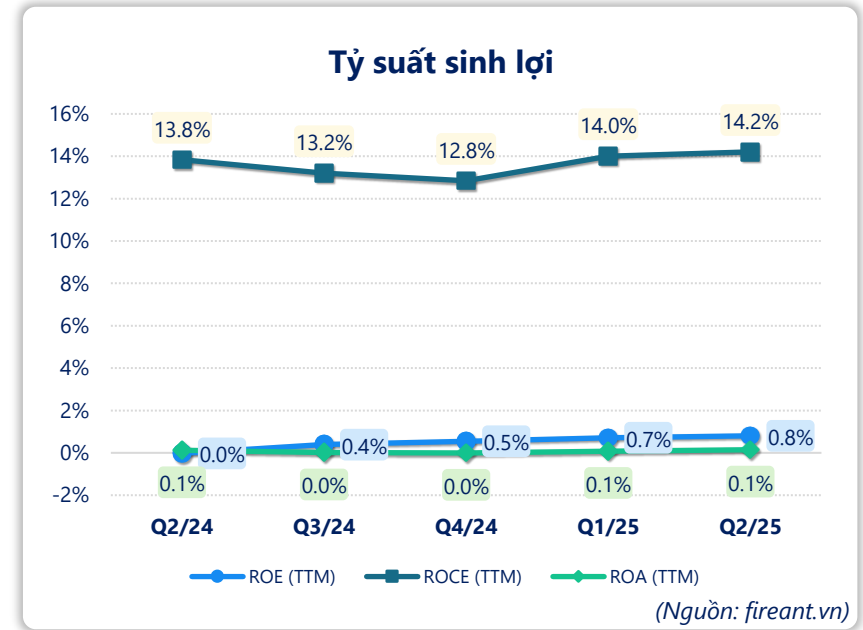
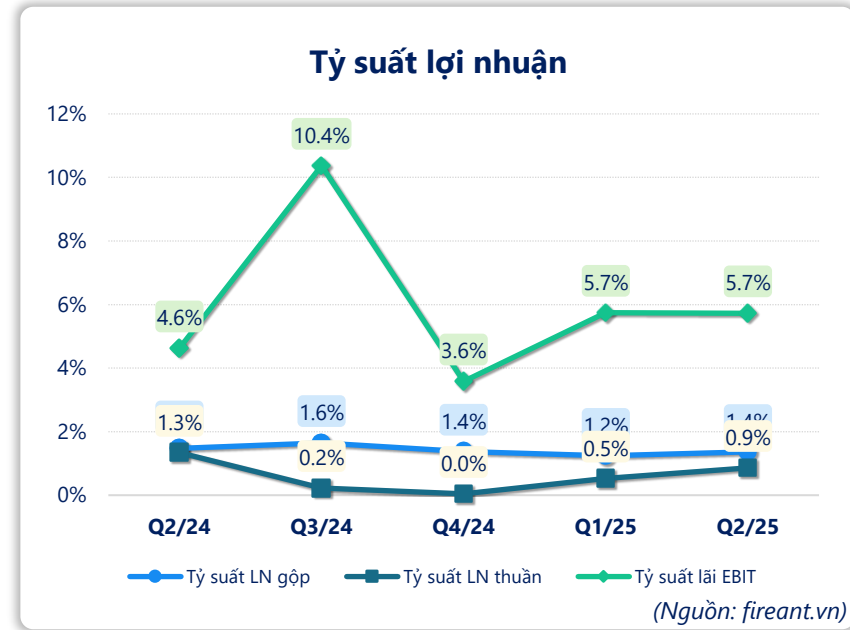
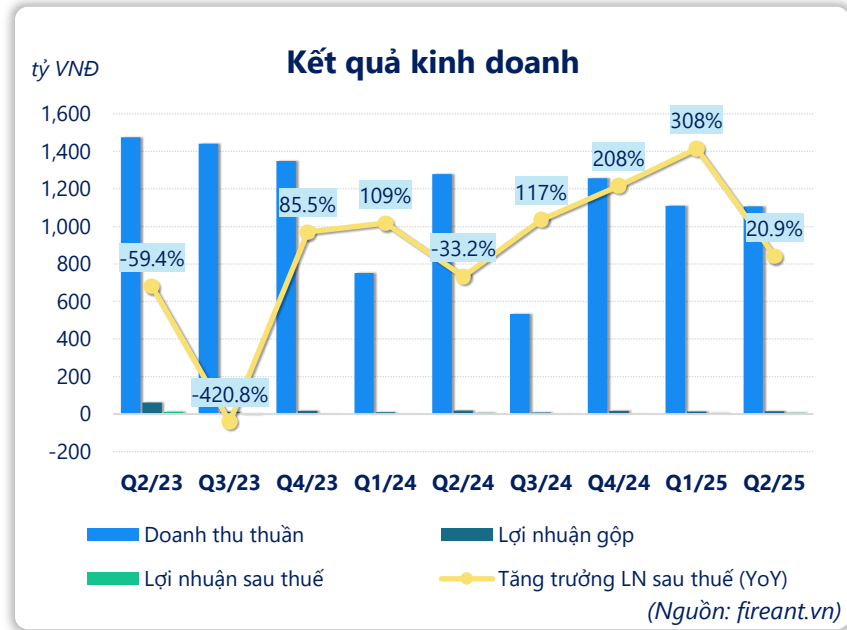


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,600
SL cổ phiếu LH		129,607,147
KLGD BQ 20 phiên (CP)		610
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		791
P/E		61.5
EPS		99

	YTD	1T	3T	6T
SHN	-9.0%	1.7%	0.0%	-10.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,348	5,601	-4.5%
Tài sản ngắn hạn	3,760	4,032	-6.7%
Tiền và tương đương tiền	21.0	22.0	-4.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	0	
Phải thu ngắn hạn	3,400	3,851	-11.7%
Hàng tồn kho	332	148	125%
Tài sản ngắn hạn khác	6.19	10.9	-43.3%
Tài sản dài hạn	1,588	1,569	1.2%
Phải thu dài hạn	643	542	18.7%
Tài sản cố định	25.6	24.4	5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.41	182	-98.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	909	818	11.1%
Tài sản dài hạn khác	5.06	0.72	601%
Lợi thế thương mại	2.06	2.52	-18.2%
Nợ phải trả	3,739	4,006	-6.7%
Nợ ngắn hạn	3,739	4,006	-6.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,290	3,396	-3.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	330	509	-35.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,609	1,595	0.9%
Vốn chủ sở hữu	1,609	1,595	0.9%
Vốn điều lệ	1,296	1,296	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,279	534	1,256	1,110	1,106
Giá vốn hàng bán	1,260	526	1,239	1,096	1,091
Lợi nhuận gộp	18.9	8.79	17.3	13.8	15.1
Doanh thu HĐTC	68.4	68.3	48.5	69.6	69.2
Chi phí TC	63.6	67.5	55.8	68.5	60.6
Chi phí lãi vay	50.4	54.6	44.7	56.9	53.9
LN trong công ty LKLD	0.00	0	-2.90	0	-1.70
Chi phí bán hàng	1.28	2.53	1.35	3.43	4.35
Chi phí QLDN	5.22	5.91	5.19	5.53	8.05
LN thuần từ HĐKD	17.1	1.23	0.54	5.85	9.53
Lợi nhuận khác	-8.44	-0.37	-0.19	0.96	-0.10
LN trước thuế	8.68	0.86	0.35	6.81	9.42
Lợi nhuận sau thuế	6.80	0.64	-0.25	4.31	7.15
LNST của CĐ cty mẹ	6.79	0.51	-0.35	4.40	8.30

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,077	1,113	-627	-358	-12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-130	223	-519	552	-77.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,213	-1,137	951	-200	94.4
Tiền đầu kỳ	12.0	18.0	217	22.0	16.8
Lưu chuyển tiền thuần	5.97	199	-195	-5.21	4.16
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.01	0	0.04
Tiền cuối kỳ	18.0	217	22.0	16.8	21.0

(Nguồn: fireant.vn)